

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị U, sinh năm 1983. Có mặt

HKTT: Thôn L1, xã Tr1, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã VT, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Trần Hồng Tr, sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L1, xã Tr1, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2021, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị U trình bày:

Chị và anh Trần Hồng Tr kết hôn ngày 14/9/2001 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr1, huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung với gia đình anh Tr tại thôn 1, xã Tr1. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên đi xa, không có trách nhiệm gì

với gia đình, có khi anh đi mấy năm mới về nhà mà không có đóng góp gì cho gia đình, khi anh về thì lại thường xuyên gây sự. Hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Tháng 4 năm 2021, chị và hai con đã phải dọn ra ngoài thuê nhà ở vì sợ anh gây chuyện. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hồng Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có hai người con chung là cháu Trần Quang Tr2, sinh ngày 04/3/2004 và Trần Trọng H, sinh ngày 10/4/2007 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc hai cháu, không yêu cầu anh Tr phải đóng góp nuôi con. Hiện tại chị đang làm công nhân có thu nhập ổn định, cháu Tr2 cũng sắp trưởng thành nên chị đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu mà không cần anh Tr đóng góp.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

* Xác minh tại xã Tr1 thể hiện: Anh Tr và chị U có đăng ký kết hôn tại UBND xã ngày 14/9/2001. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng gia đình anh Tr tại thôn L1, xã Tr1. Do anh Tr, chị U thường xuyên đi làm ăn xa nên việc anh chị xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ.

Về con chung: Anh Tr và chị U có hai người con chung là cháu Trần Quang Tr2, sinh ngày 04/3/2004 và Trần Trọng H, sinh ngày 10/4/2007 hiện đang ở cùng chị U.

* Lời khai của ông Trần Văn V là bố của anh Tr: Gia đình ông có tổ chức lễ cưới cho anh Tr và chị U vào cuối năm 2001, sau đó chị U về chung sống cùng gia đình ông được khoảng hơn 1 năm thì vợ chồng anh chị vào miền Nam làm ăn sinh sống. Đến khoảng năm 2017 anh chị lại về chung sống cùng ông bà. Đến khoảng giữa năm 2019 anh Tr và chị U có xảy ra mâu thuẫn và xô xát dẫn đến tình cảm bị sút mẻ, anh Tr đi làm ăn ở Hà Nội từ đó cho đến tháng 4 năm 2021 thì về ở cùng ông bà, đến tháng 5 năm 2021, chị U đã tự ý dọn đồ đạc ra ngoài ở cùng hai con chung của anh chị. Anh Tr nói với ông là chị U xin ly hôn là quyền của chị, anh cũng không giữ được nên anh không có ý kiến gì. Gia đình cũng đã họp để dàn xếp chuyện tình cảm của anh Tr và chị U nhưng không được nên việc anh chị đoàn tụ là rất khó.

*Lời khai của các cháu Trần Quang Tr2 và Trần Trọng H đều thể hiện anh Tr là người không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi xa nhà. Mỗi khi

anh Tr về thì lại gây sự với chị U rồi xảy ra to tiếng thậm chí là xô sát. Từ tháng 5 năm 2021 các cháu đã ra ngoài ở cùng với chị U. Hai cháu đều thấy anh Tr và chị U không thể chung sống cùng nhau được nữa và đều mong muốn được ở với chị U, do anh Tr không quan tâm gì đến các cháu.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị U, xử cho chị Lê Thị U ly hôn anh Trần Hồng Tr; Về con chung: Chị Lê Thị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Quang Tr2, sinh ngày 04/3/2004 và Trần Trọng H, sinh ngày 10/4/2007, anh Tr không phải đóng góp nuôi con chung; Về án phí: Chị U phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị U có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, hiện anh Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn L1, xã Tr1, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Hồng Tr nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Lê Thị U và anh Trần Hồng Tr được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr1, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh Tr không quan tâm gì đến gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi không chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Tr nhiều lần, nhưng

anh Tr vẫn không hợp tác và không đến Tòa án làm việc, thể hiện anh Tr là người không có trách nhiệm với gia đình, với vợ và các con. Do đó, hôn nhân của chị U và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị U, cho chị U ly hôn anh Tr là phù hợp.

Về con chung: Chị U và anh Tr có hai người con chung là cháu Trần Quang Tr2, sinh ngày 04/3/2004 và Trần Trọng H, sinh ngày 10/4/2007. Ly hôn, chị U đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị U có công việc và thu nhập ổn định. Nguyên vọng của hai cháu cũng muốn ở cùng chị U, do anh Tr không quan tâm, chăm sóc các cháu. Xét thấy, yêu cầu của chị U là hoàn toàn tự nguyện, nên cần giao cháu Trọng và cháu Hiếu cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án anh Tr vắng mặt nên không có ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[3] Về án phí: Chị U xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Cho chị Lê Thị U được ly hôn anh Trần Hồng Tr.
2. *Về con chung:* Giao cho chị Lê Thị U tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Quang Tr2, sinh ngày 04/3/2004 và cháu Trần Trọng H, sinh ngày 10/4/2007. Anh Trần Hồng Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2020/0000158 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị U đã thực hiện xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Lê Thị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Hồng Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Tr1;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hưng